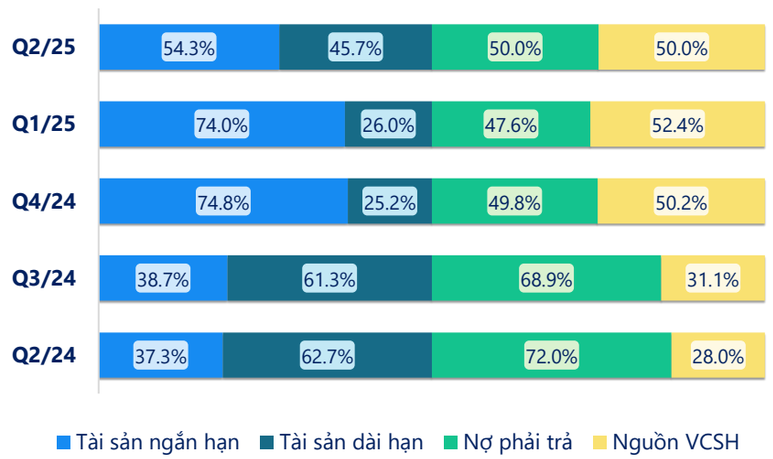
FireAnt

CTCP Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hà Nội (UPCOM: HD6)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	12,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	16,927
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,800
SL cổ phiếu LH	15,120,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	23,595
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	192
P/E	3.6
EPS	3,494

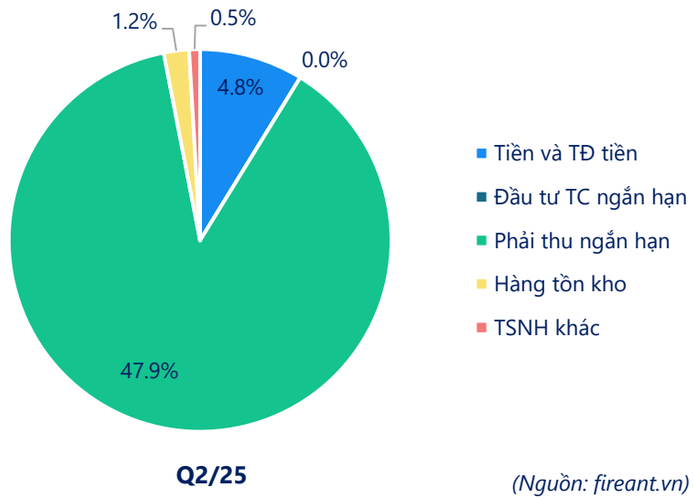
	YTD	1T	3T	6T
HD6	2.4%	-0.8%	-5.9%	0.8%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



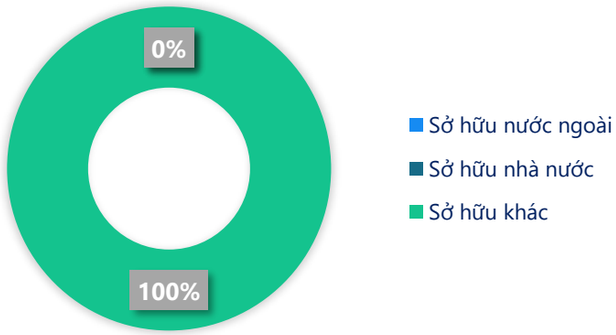
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



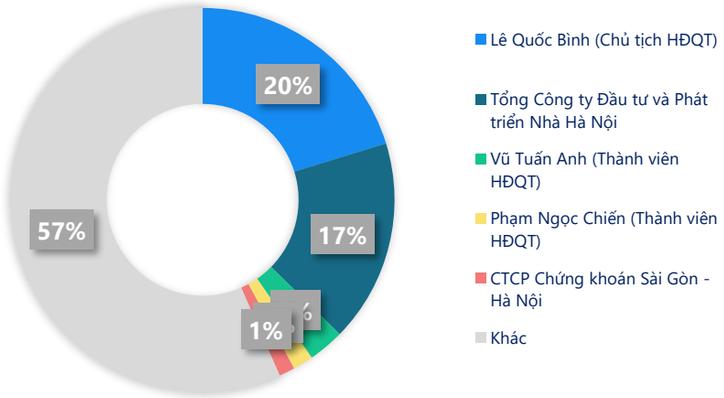
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



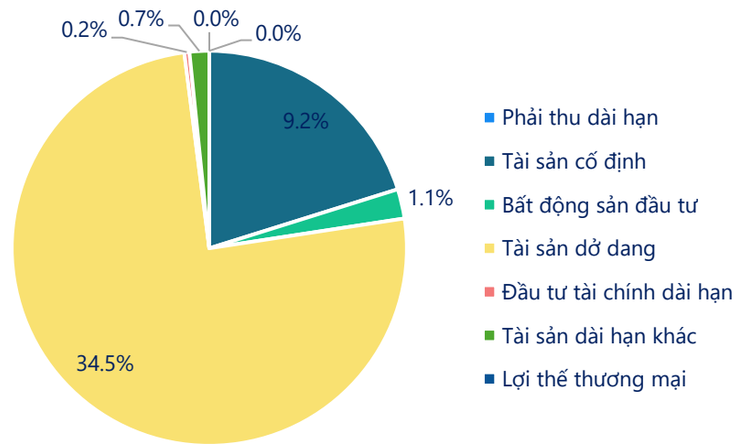
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

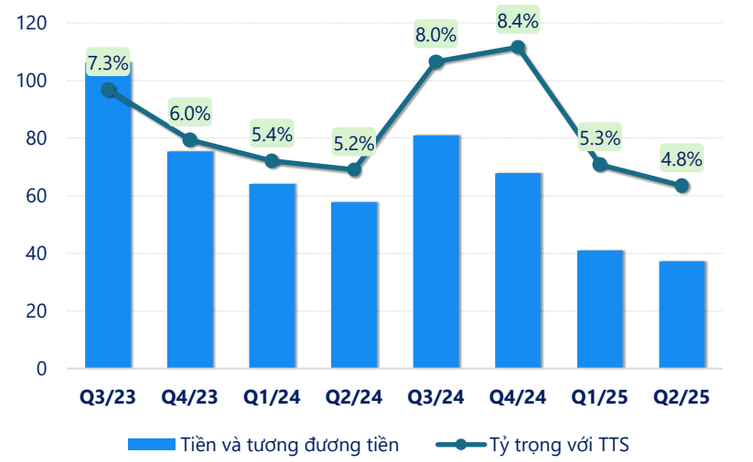


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

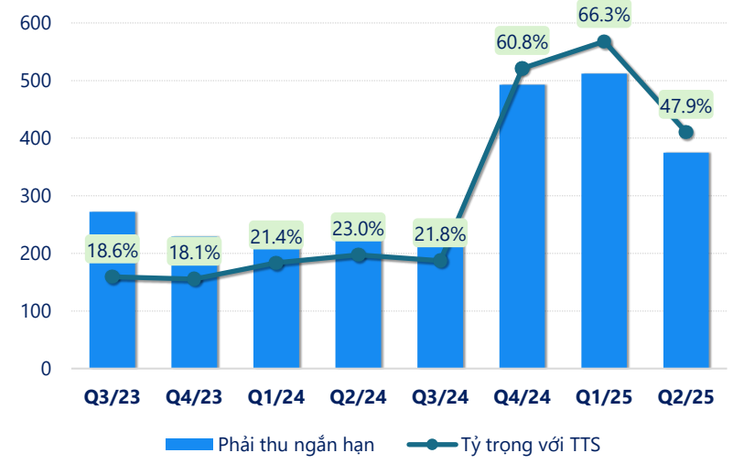
CTCP Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hà Nội (UPCOM: HD6)

Tiền và tương đương tiền



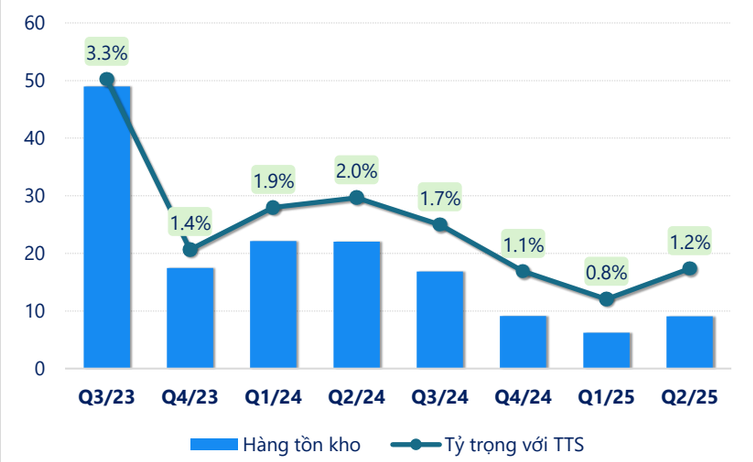
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



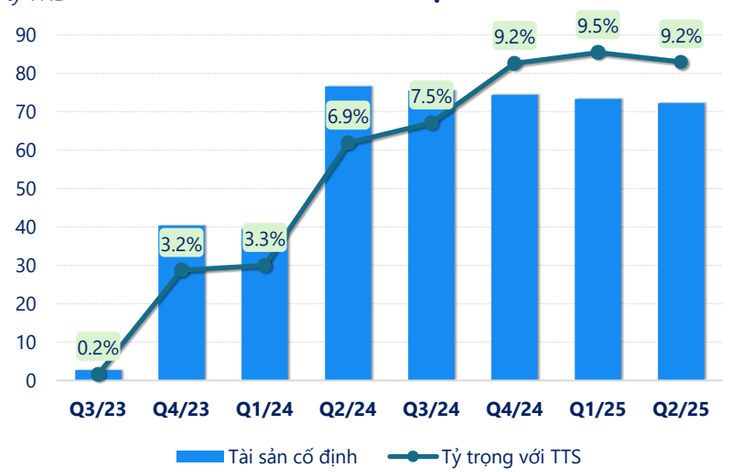
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



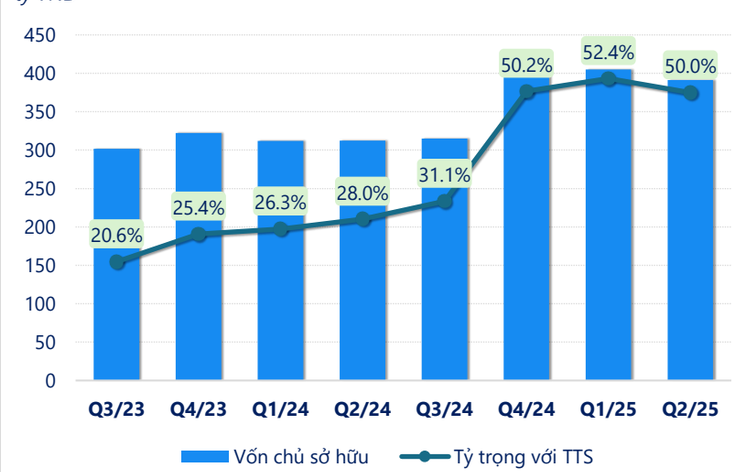
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

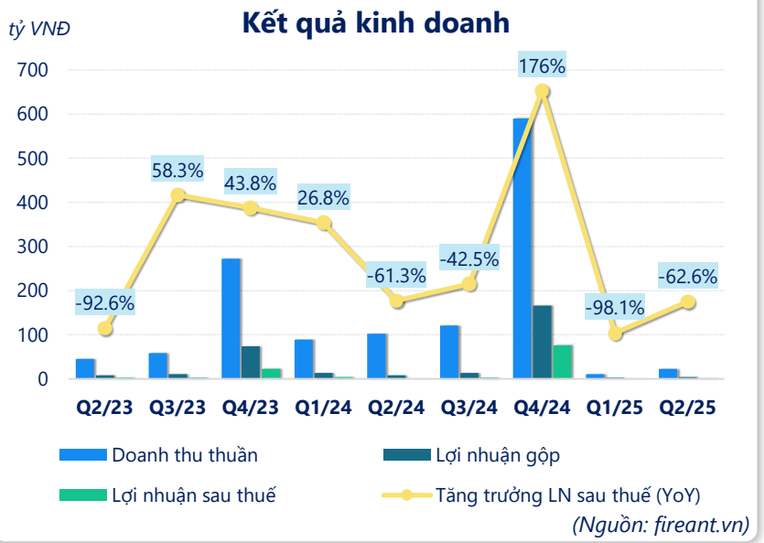


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

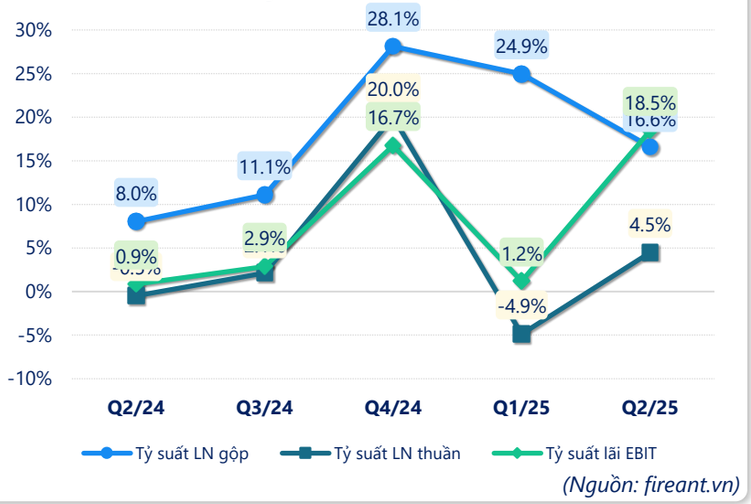
CTCP Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hà Nội (UPCOM: HD6)

Kết quả kinh doanh



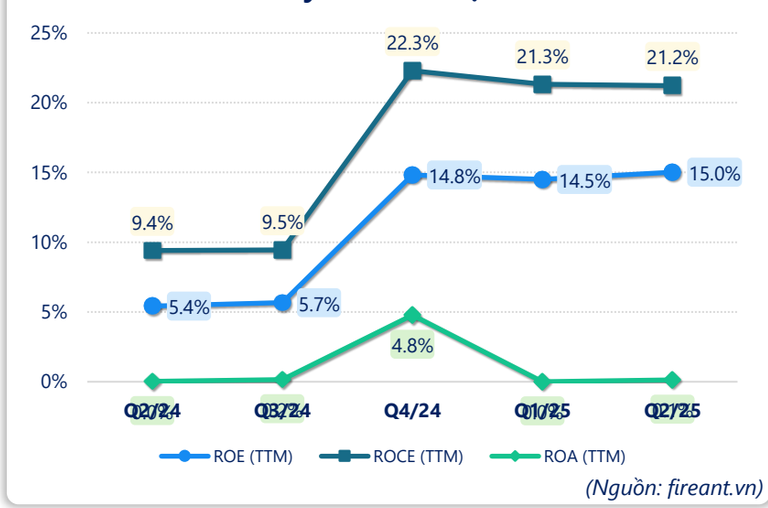
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



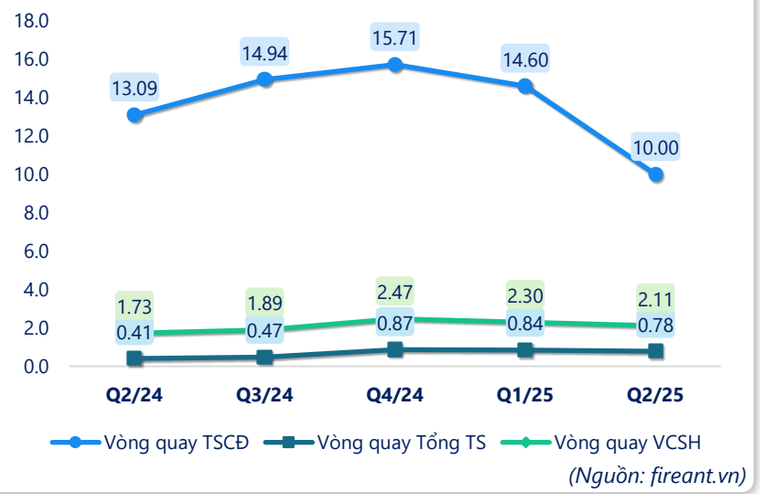
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



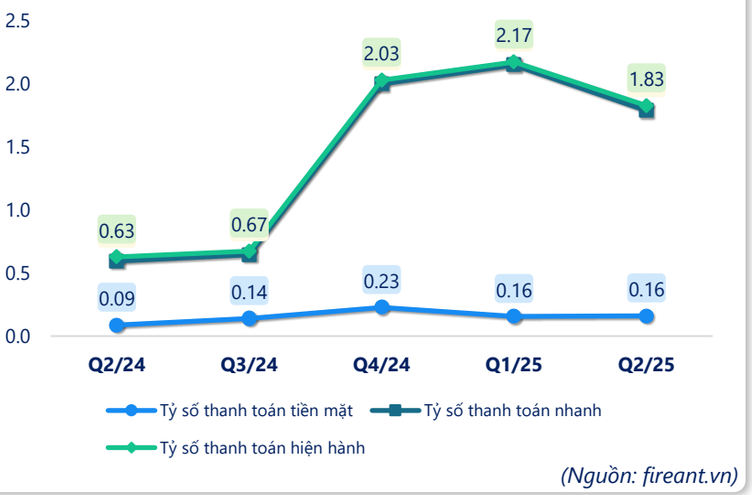
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



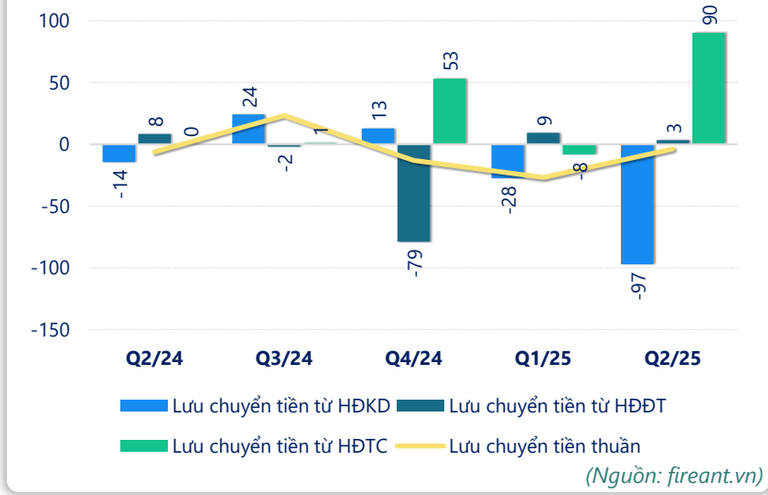
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hà Nội (UPCOM: HD6)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**783**	**810**	**-3.3%**
Tài sản ngắn hạn	425	609	-30.2%
Tiền và tương đương tiền	37.3	67.8	-45.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	33.2	-100%
Phải thu ngắn hạn	375	497	-24.6%
Hàng tồn kho	9.06	9.12	-0.7%
Tài sản ngắn hạn khác	3.91	1.53	156%
Tài sản dài hạn	**358**	**201**	**77.7%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	72.2	74.4	-2.9%
Bất động sản đầu tư	8.65	8.61	0.5%
Tài sản dở dang	270	112	140%
Đầu tư tài chính dài hạn	1.49	0.60	149%
Tài sản dài hạn khác	**5.76**	**0.07**	**8330%**
Lợi thế thương mại	0	5.56	-100%
Nợ phải trả	392	405	-3.3%
Nợ ngắn hạn	**233**	**301**	**-22.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	55.8	78.8	-29.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	22.0	52.6	-58.1%
Nợ dài hạn	159	104	52.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	64.3	3.03	2020%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**391**	**405**	**-3.4%**
Vốn chủ sở hữu	**391**	**405**	**-3.4%**
Vốn điều lệ	151	151	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	102	121	589	10.6	22.5
Giá vốn hàng bán	93.9	108	424	7.97	18.8
Lợi nhuận gộp	8.19	13.4	166	2.65	3.74
Doanh thu HĐTC	2.35	1.04	1.47	0.82	3.31
Chi phí TC	0.06	0.01	0.42	1.02	1.81
Chi phí lãi vay	0.06	0	0	0	2.71
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0.89
Chi phí bán hàng	4.11	4.16	37.8	0	0
Chi phí QLDN	6.86	7.70	11.0	2.97	5.12
LN thuần từ HĐKD	-0.48	2.58	118	-0.52	1.01
Lợi nhuận khác	1.30	0.91	-19.4	0.64	0.44
LN trước thuế	0.82	3.49	98.6	0.13	1.45
Lợi nhuận sau thuế	0.49	2.76	75.6	0.09	1.33
LNST của CĐ cty mẹ	0.33	1.97	49.6	0.05	1.20

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-14.5	24.0	12.9	-27.6	-97.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	8.21	-1.87	-78.9	9.18	3.30
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	1.00	53.0	-8.43	90.2
Tiền đầu kỳ	64.1	57.8	80.9	67.8	41.0
Lưu chuyển tiền thuần	**-6.29**	**23.2**	**-13.1**	**-26.8**	**-3.74**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	57.8	80.9	67.8	41.0	37.3

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic